

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;
2. Ông Huỳnh Quốc Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Thái Thanh T, sinh năm 1991; có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Số 4/23B, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

*** Bị đơn:** Anh Phan Minh T, sinh năm 1984; có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Số 24/2 Nguyễn C, Khu phố 6, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-02-2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thái Thanh T trình bày:

Chị Thái Thanh T và anh Phan Minh T tự nguyện quen biết và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố T vào ngày 24-01-2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại số 24/2 Nguyễn C, Khu phố 6, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống thường

xuân xảy ra cãi vã do anh T không chăm lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con, chị T có mâu thuẫn với gia đình chồng không thể khắc phục được, hiện nay chị không còn chung sống với anh T nữa mà đã chuyển về huyện G sinh sống. Nhận thấy không thể sống chung được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Con chung: Có 02 con chung tên Phan Tùng N, sinh ngày 16-3-2014 và Phan Tùng Nh, sinh ngày 25-5-2016. Chị Thái Thanh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phan Tùng N, giao cháu Phan Tùng Nh cho anh T nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi 01 con chung nên chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Thái Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Minh T có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại bản tự khai ngày 10-6-2022 anh T trình bày như sau: Anh T và chị T kết hôn với nhau từ năm 2013. Trong quá trình chung sống có nhiều tranh cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, chị T đã chuyển về bên ngoại tại huyện G sinh sống từ cuối năm 2020 cho đến nay không còn chung sống với anh T. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh T đồng ý ly hôn với chị T.

Con chung: có 02 con chung như chị T trình bày. Anh T đồng ý nhận nuôi cháu Phan Tùng Nhân, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Anh Phan Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Thái Thanh T và anh Phan Minh T cùng vắng mặt nên không cung cấp chứng cứ, lời trình bày.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thanh T: Cho chị Thái Thanh T và anh Phan Minh T được ly hôn. Giao con chung Phan Tùng N cho chị Thái Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phan Tùng Nh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Thái Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Thái Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung đối với anh Phan Minh T, cư trú tại số 24/2 Nguyễn C, Khu phố 6, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Thái Thanh T và anh Phan Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thanh T và anh Phan Minh T tự nguyện chung sống vào năm 2013, ngày 24-01-2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố T. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng chị Thái Thanh T và anh Phan Minh T không hạnh phúc, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện nay cả hai không còn chung sống với nhau; chị Thái Thanh T xin ly hôn, anh Phan Minh T cũng có văn bản thể hiện tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thái Thanh T và anh Phan Minh T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ cho chị T và anh T ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Có 02 chung tên Phan Tùng N, sinh ngày 16-3-2014 và Phan Tùng Nh, sinh ngày 25-5-2016. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao cháu Phan Tùng Nh cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Tùng N. Ghi nhận cả hai không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thái Thanh T, anh Phan Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thái Thanh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Phan Minh T.

1.1. Chị Thái Thanh T và anh Phan Minh T được ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Phan Tùng N, sinh ngày 16-3-2014 cho chị Thái Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phan Tùng Nhân, sinh ngày 25-5-2016 cho anh Phan Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Thái Thanh T, anh Phan Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thái Thanh T, anh Phan Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Thái Thanh T, anh Phan Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thái Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000804 ngày 18-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- UBND Xã Thạnh Tân, TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hạnh

